



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2017-2018

Môn học : Kế toán chi phí - 1104058

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 110405801

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Tuyền - (04057)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1610110060	Dương Thị Phương Anh	06/08/1998	<i>Dương</i>	7,0	Bảy	C18KT	
2	1610110052	Võ Thúy Anh	17/06/1998	<i>Thuy</i>	7,5	Bảy rưỡi	C18KT	
3	1610110086	Lê Ngọc Ánh	13/10/1995	<i>Lê</i>	7,0	Bảy	C18KT	
4	1610110010	Nguyễn Thị Bích	02/07/1998	<i>Bích</i>	9,5	Chín rưỡi	C18KT	
5	1610110036	Đinh Thị Xuân	09/03/1998	<i>Đinh</i>	8,0	Tám	C18KT	
6	1610110002	Cao Thị Diệu	20/11/1996	<i>Cao</i>	6,0	Sáu	C18KT	
7	1610110058	Trần Khương Duy	04/06/1998	<i>Duy</i>	7,5	Bảy rưỡi	C18KT	
8	1610110066	Vũ Thị Hà	20/02/1998	<i>Hà</i>	9,5	Chín rưỡi	C18KT	
9	1610110084	Trà Ngọc Cẩm	11/5/1998	<i>Trà</i>	5,0	Năm	C18KT	
10	1610110062	Vũ Thị Hằng	01/04/1998	<i>Hằng</i>	7,5	Bảy rưỡi	C18KT	
11	1610110078	Lê Đăng Gia	13/09/1998	<i>Gia</i>	7,5	Bảy rưỡi	C18KT	
12	1610110050	Lê Thị Thu	13/07/1997	<i>Thu</i>	8,0	Tám	C18KT	
13	1610110074	Dương Thị Thúy	03/10/1998	<i>Thuy</i>	6,0	Sáu	C18KT	
14	1610110035	Phạm Thị Mỹ	14/10/1998	<i>Mỹ</i>	6,0	Sáu	C18KT	
15	1610110041	Trần Ngọc Tuyết	22/05/1997	<i>Tuyết</i>	7,5	Bảy rưỡi	C18KT	
16	1610110071	Trương Huỳnh Lợi	21/02/1998	<i>Lợi</i>	6,0	Sáu	C18KT	
17	1610110064	Bùi Thị Diễm	02/05/1998	<i>Diễm</i>	7,0	Bảy	C18KT	
18	1610110055	Lê Thảo	09/05/1998	<i>Thảo</i>	8,0	Tám	C18KT	
19	1610110083	Trần Công Minh	01/04/1998	<i>Minh</i>	5,0	Năm	C18KT	
20	1610110057	Lê Thị Tuyết	15/05/1998	<i>Tuyết</i>	5,0	Năm	C18KT	
21	1610110042	Nguyễn Thị Ngọc	01/12/1997	<i>Ngọc</i>	7,5	Bảy rưỡi	C18KT	
22	1610110043	Đào Thị Kim	15/08/1998	<i>Kim</i>	7,5	Bảy rưỡi	C18KT	
23	1610110065	Lâm Hoàng Kim	02/06/1998	<i>Kim</i>	7,5	Bảy rưỡi	C18KT	
24	1610110040	Trần Thanh Phát	06/06/1998	<i>Phát</i>	7,0	Bảy	C18KT	
25	1610110073	Trần Thị Trúc	23/06/1998	<i>Trúc</i>	7,5	Bảy rưỡi	C18KT	
26	1610110063	Nguyễn Châu Huệ	01/08/1997	<i>Huệ</i>	6,0	Sáu	C18KT	
27	1610110051	Trần Thị Mỹ	12/09/1997	<i>Mỹ</i>	9,5	Chín rưỡi	C18KT	
28	1610110067	Trần Nguyễn Anh	18/5/1998	<i>Anh</i>	7,5	Bảy rưỡi	C18KT	
29	1610110080	Trần Thủy	27/09/1998	<i>Thủy</i>	7,5	Bảy rưỡi	C18KT	
30	1610110056	Nguyễn Thị Cẩm Tú	04/07/1998	<i>Cẩm</i>	7,5	Bảy rưỡi	C18KT	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi: 30 vắng thi: 0 . Số bài thi: 30 / 30 .Số sinh viên đạt/không đạt: / Tỷ lệ đạt: %

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 3 - Năm học : 2017-2018

Môn học : Kế toán chi phí - 1104058

Mã lớp học phần: 110405801

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Tuyền

Ngày thi: 26/07/2018

Giờ thi: 09h30

Phòng thi: A1.8

Giám thị 1:

T. Dũng

Ký tên:

Giám thị 2:

H. Nhung

Ký tên:

Giám thị 3:

Ký tên:

Giám thị 4:

Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1610110060	Dương Thị Phương Anh	06/08/1998	<i>[Signature]</i>		5,5	Năm rưỡi	C18KT	
2	1610110052	Võ Thúy Anh	17/06/1998	<i>[Signature]</i>		7,5	Bảy rưỡi	C18KT	
3	1610110086	Lê Ngọc Ánh	13/10/1995	<i>[Signature]</i>		7,0	Bảy	C18KT	
4	1610110010	Nguyễn Thị Bích	02/07/1998	<i>[Signature]</i>		9,5	Chín rưỡi	C18KT	
5	1610110036	Đinh Thị Xuân	09/03/1998	<i>[Signature]</i>		8,5	Tám rưỡi	C18KT	
6	1610110002	Cao Thị Diệu	20/11/1996	<i>[Signature]</i>		5,5	Năm rưỡi	C18KT	
7	1610110058	Quản Thị Hương	04/06/1998	<i>[Signature]</i>		8,0	Tám	C18KT	
8	1610110066	Vũ Thị Thu Hà	20/02/1998	<i>[Signature]</i>		9,0	Chín	C18KT	
9	1610110084	Trà Ngọc Cẩm Hằng	11/5/1998	<i>[Signature]</i>		5,0	Năm	C18KT	
10	1610110062	Vũ Thị Hằng	01/04/1998	<i>[Signature]</i>		7,5	Bảy rưỡi	C18KT	
11	1610110078	Lê Đặng Gia Hân	13/09/1998	<i>[Signature]</i>		7,5	Bảy rưỡi	C18KT	
12	1610110050	Lê Thị Thu Hồng	13/07/1997	<i>[Signature]</i>		8,5	Tám rưỡi	C18KT	
13	1610110074	Dương Thị Thúy Huỳnh	03/10/1998	<i>[Signature]</i>		5,0	Năm	C18KT	
14	1610110035	Phạm Thị Mỹ Khanh	14/10/1998	<i>[Signature]</i>		5,0	Năm	C18KT	
15	1610110041	Trần Ngọc Tuyết Lam	22/05/1997	<i>[Signature]</i>		7,5	Bảy rưỡi	C18KT	
16	1610110071	Trương Huỳnh Lợi	21/02/1998	<i>[Signature]</i>		5,5	Năm rưỡi	C18KT	
17	1610110064	Bùi Thị Diễm Mi	02/05/1998	<i>[Signature]</i>		7,5	Bảy rưỡi	C18KT	
18	1610110055	Lê Thảo Mi	09/05/1998	<i>[Signature]</i>		8,0	Tám	C18KT	
19	1610110083	Trần Công Minh	01/04/1998	<i>[Signature]</i>		5,0	Năm	C18KT	
20	1610110057	Lê Thị Tuyết My	15/05/1998	<i>[Signature]</i>		5,0	Năm	C18KT	
21	1610110042	Nguyễn Thị Ngọc Nga	01/12/1997	<i>[Signature]</i>		8,0	Tám	C18KT	
22	1610110043	Đào Thị Kim Oanh	15/08/1998	<i>[Signature]</i>		7,5	Bảy rưỡi	C18KT	
23	1610110065	Lâm Hoàng Kim Oanh	02/06/1998	<i>[Signature]</i>		8,0	Tám	C18KT	
24	1610110040	Trần Thanh Phát	06/06/1998	<i>[Signature]</i>		8,0	Tám	C18KT	
25	1610110073	Trần Thị Trúc Phương	23/06/1998	<i>[Signature]</i>		8,0	Tám	C18KT	
26	1610110063	Nguyễn Châu Huệ Quyên	01/08/1997	<i>[Signature]</i>		7,5	Bảy rưỡi	C18KT	
27	1610110051	Trần Thị Mỹ Quỳnh	12/09/1997	<i>[Signature]</i>		9,0	Chín	C18KT	
28	1610110067	Trần Nguyễn Anh Thư	18/5/1998	<i>[Signature]</i>		7,5	Bảy rưỡi	C18KT	
29	1610110080	Trần Thùy Trang	27/09/1998	<i>[Signature]</i>		7,5	Bảy rưỡi	C18KT	
30	1610110056	Nguyễn Thị Cẩm Tú	04/07/1998	<i>[Signature]</i>		8,0	Tám	C18KT	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Sinh viên dự thi : 30 vắng thi: 00 . Số bài thi/Số tờ: 30 / 30 .

Số sinh viên đạt: _____

Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày: 1 tháng 8 năm 2018

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)



Trần Thị Kim Ánh

Ngày: 01 tháng 8 năm 2018

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



Trần Thị Huyền

TRƯỞNG

KHẢO